

# Nợ xấu trong hoạt động tín dụng của Ngân hàng Thương mại

TS. Nguyễn Ngọc Thao \*

**N**ợ xấu luôn là mối quan tâm hàng đầu đối với các ngân hàng thương mại (NHTM) cũng như các cơ quan quản lý nhà quản lý về tiền tệ, tín dụng và hoạt động ngân hàng. Bởi vì nợ xấu liên quan đến hoạt động ổn định an toàn của hệ thống ngân hàng, từ đó liên quan đến ổn định kinh tế vĩ mô, đến phát triển bền vững. Đối với các NHTM liên quan trực tiếp đến hiệu quả kinh doanh, lợi nhuận, lợi ích của cổ đông, an toàn của người gửi tiền. Vì vậy luôn có nhận thức đầy đủ về nợ xấu từ đó đề ra các biện pháp phòng ngừa, hạn chế có ý nghĩa hết sức cần thiết đối với cả cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động ngân hàng, các nhà quản trị điều hành NHTM cũng như các cán bộ trực tiếp cho vay.

Vậy nợ xấu là gì? Bản chất của nợ xấu ra sao? Phân loại nợ xấu như thế nào có những chỉ tiêu gì phản ánh nợ xấu của NHTM? Sau đây tác giả xin bàn đến những nội dung đó.

Về khái niệm nợ xấu, trong thực tiễn ở nước ta và trên thế giới, cũng như lý thuyết tài chính - tiền tệ hiện đại, có nhiều cách diễn đạt và cách hiểu khác nhau về nợ xấu.

## Theo thông lệ quốc tế

Quan niệm nợ xấu của Phòng Thống kê - Liên hợp quốc, thì: "Về cơ bản một khoản nợ được coi là nợ xấu khi quá hạn trả lãi và/hoặc gốc trên 90 ngày; hoặc các khoản lãi chưa trả từ 90 ngày trở lên đã được nhập gốc, tái cấp vốn hoặc chậm trả theo thỏa thuận; hoặc các khoản phải thanh toán đã quá hạn dưới 90 ngày nhưng có lý do chắc chắn để nghi ngờ về khả năng khoản vay sẽ được thanh toán đầy đủ".

Như vậy, nợ xấu về cơ bản được xác định dựa trên 2 yếu tố: (i) quá hạn trên 90 ngày và (ii) khả năng trả nợ nghi ngờ. Đây được coi là định nghĩa của Chuẩn mực kế toán quốc tế (IAS) đang được áp dụng phổ biến hiện hành trên thế giới.

Một định nghĩa mới về nợ xấu theo chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) và IAS 39 vừa được Ủy ban Chuẩn mực Kế toán quốc tế cho ra đời và được khuyến cáo áp dụng ở một số nước phát triển vào đầu năm 2005. Về cơ bản IAS 39 chỉ chú trọng đến khả năng hoàn trả của khoản vay bất luận thời gian quá hạn chưa tới 90 ngày hoặc chưa quá hạn. Phương pháp để đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng thường là phương pháp phân tích dòng tiền tương lai hoặc xếp hạng khoản vay (khách hàng). Hệ thống này được coi là chính xác về mặt lý thuyết, nhưng việc áp dụng thực tế gặp nhiều khó khăn. Vì vậy, nó đang được Ủy ban

Chuẩn mực Kế toán quốc tế chỉnh sửa lại.

Ví dụ ở Nhật Bản, theo báo cáo của Ngân hàng Thanh toán quốc tế (BIS) tại cùng thời điểm 2003 nếu áp dụng cách đánh giá nợ xấu theo định nghĩa về "Khoản vay, tại Luật Tái cơ cấu tài chính" là 35,3 ngàn tỷ Yên, nhưng theo định nghĩa "Đánh giá khoản vay" tương tự IAS 39 thì nợ xấu lên tới 90,1 ngàn tỷ Yên.

## Theo chuẩn mực ở Việt Nam

Để hiểu rõ về nợ xấu theo chuẩn mực Việt Nam, trước hết cần tìm hiểu khái quát quá trình nhận thức về nợ xấu và cơ chế xử lý nợ xấu của hệ thống NHTM trong thời gian qua.

### Quan niệm về nợ xấu của ngân hàng trước năm 2000

Trước năm 2000, hệ thống NHTM Việt Nam chưa có quy định cụ thể về nợ xấu mà chỉ có các quy định về nợ quá hạn, nợ khó đòi phát sinh do các nguyên nhân khách quan hoặc

\* Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh



chủ quan trong hoạt động tín dụng của các NHTM..

Khi đó, nợ xấu trong thời kỳ này bao gồm các khoản nợ quá hạn, nợ khó đòi và việc phân loại nợ xấu được xác định theo thời gian quá hạn bao gồm: nợ quá hạn dưới 90 ngày, nợ quá hạn từ 90 ngày đến 180 ngày, nợ quá hạn từ trên 180 ngày đến 360 ngày, nợ quá hạn trên 360 ngày, trong đó các khoản nợ quá hạn trên 360 ngày được gọi là nợ khó đòi. Theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các tổ chức tín dụng (TCTD) chỉ có thể chuyển nợ quá hạn đối với từng kỳ hạn trả nợ bị quá hạn, không được chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn. Việc áp dụng các biện pháp xử lý nợ cụ thể được căn cứ vào nguyên nhân khách quan hoặc chủ quan dẫn đến nợ quá hạn, nợ khó đòi không thu hồi được.

*Quan niệm về nợ xấu theo Quyết định 149/2001/QĐ-TTg.*

Ngày 05/10/2001, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 149/2001/QĐ-TTg về việc phê duyệt đề án xử lý nợ tồn đọng của các NHTM, tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động phân loại nợ và xử lý các khoản nợ tồn đọng phát sinh trước thời điểm 31/12/2000 của các NHTM.

Mặc dù nội dung Quyết định 149/2001/QĐ-TTg không quy định cụ thể về nợ xấu, nhưng theo Quyết định này có thể hiểu nợ xấu bao gồm các khoản nợ tồn đọng phát sinh trước thời điểm 31/12/2000 và

không có khả năng trả nợ, mặc dù ngân hàng áp dụng nhiều giải pháp theo quy định hiện hành nhưng vẫn không thu hồi được nợ. Trong quá trình triển khai thực hiện Quyết định này, theo đề nghị của NHNN và các NHTM, Thủ tướng Chính phủ đã cho phép đưa vào trong đề án xử lý nợ tồn đọng đối với một số khoản nợ chưa quá hạn trước thời điểm 31/12/2000 nhưng NHTM có đủ căn cứ để xác định khả năng khó thu hồi nợ.

Như vậy, khác với giai đoạn trước, các NHTM phân loại các khoản nợ xấu tồn đọng không căn cứ vào thời gian quá hạn cụ thể mà căn cứ vào tính chất và khả năng thu hồi nợ thông qua các biện pháp bảo đảm của khoản vay (có tài sản bảo đảm hoặc không có tài sản bảo đảm) và tình trạng pháp lý khách hàng (không còn tồn tại hoặc còn tồn tại, hoạt động) để phân loại thành 03 nhóm nợ tương ứng với các cơ chế xử lý kèm theo khác nhau, bao gồm:

- Nợ xấu tồn đọng có tài sản bảo đảm (nợ tồn đọng nhóm 1);

- Nợ xấu tồn đọng không có tài sản bảo đảm và không còn đối tượng thu hồi (nợ tồn đọng nhóm 2);

- Nợ xấu tồn đọng không có tài sản bảo đảm nhưng con nợ đang còn tồn tại, hoạt động (nợ tồn đọng nhóm 3).

*Quan niệm về nợ xấu giai đoạn hiện nay*

Phù hợp với thông lệ quốc

tế cũng như phù hợp với thực tiễn Việt Nam, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ký Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/04/2005 về việc ban hành "Quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng". Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN ngày 25/04/2007 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng ban hành theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/04/2005. Theo đó, việc xác định, phân loại nợ xấu của các TCTD đã bước đầu theo sát với thông lệ quốc tế (phân loại căn cứ vào thực trạng khách hàng chứ không chỉ căn cứ vào thời gian quá hạn của khoản cấp tín dụng). Đồng thời, các TCTD có thể thực hiện xác định, phân loại các khoản nợ thành 05 nhóm nợ dựa trên phương pháp phân loại nợ định lượng hoặc định tính.

**Phân loại nợ theo phương pháp định lượng:**

Nợ nhóm 1 (Nợ đủ tiêu chuẩn) bao gồm: Các khoản nợ trong hạn và tổ chức tín dụng đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả gốc và lãi đúng hạn; Các khoản nợ quá hạn dưới 10 ngày và tổ chức tín dụng đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ gốc và lãi bị quá hạn và thu hồi đầy đủ gốc và lãi đúng thời hạn còn



lại; Các khoản nợ quá hạn được phân loại vào nhóm 1 khi khách hàng trả đầy đủ nợ gốc và lãi bị quá hạn (kể cả lãi áp dụng đối với nợ gốc quá hạn) và nợ gốc và lãi của các kỳ hạn trả nợ tiếp theo trong thời gian tối thiểu sáu (06) tháng đối với khoản nợ trung và dài hạn, ba (03) tháng đối với các khoản nợ ngắn hạn, kể từ ngày bắt đầu trả đầy đủ nợ gốc và lãi bị quá hạn, và TCTD có đủ cơ sở (thông tin, tài liệu kèm theo) đánh giá là khách hàng có khả năng trả đầy đủ nợ gốc và lãi đúng thời hạn còn lại; Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ được phân loại vào nhóm 1 khi khách hàng trả đầy đủ nợ gốc và lãi theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại trong thời gian tối thiểu sáu (06) tháng đối với các khoản nợ trung và dài hạn, ba (03) tháng đối với các khoản nợ ngắn hạn kể từ ngày bắt đầu trả đầy đủ nợ gốc và lãi theo thời hạn được cơ cấu lại, và TCTD có đủ cơ sở (thông tin, tài liệu kèm theo) để đánh giá là khách hàng có khả năng trả đầy đủ nợ gốc và lãi đúng thời hạn đã được cơ cấu lại còn lại.

Nợ nhóm 2 (Nợ cần chú ý) bao gồm: Các khoản nợ quá hạn từ 10 ngày đến 90 ngày; các khoản nợ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu (đối với khách hàng là doanh nghiệp, tổ chức thì tổ chức tín dụng phải có hồ sơ đánh giá khách hàng về khả năng trả nợ đầy đủ nợ gốc và lãi đúng kỳ hạn được điều chỉnh lần đầu); Các khoản nợ khác được phân loại

vào nhóm 2.

Nợ nhóm 3 (Nợ dưới tiêu chuẩn) bao gồm: Các khoản nợ quá hạn từ 91 ngày đến 180 ngày; các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu, trừ các khoản nợ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu phân loại vào nhóm 2 ở trên; các khoản nợ được miễn hoặc giảm lãi do khách hàng không đủ khả năng trả lãi đầy đủ theo hợp đồng tín dụng; các khoản nợ khác được phân loại vào nhóm 3.

Nợ nhóm 4 (Nợ nghi ngờ) bao gồm: Các khoản nợ quá hạn từ 181 ngày đến 360 ngày; các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn dưới 90 ngày theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ 2; các khoản nợ khác được phân loại vào nhóm 4.

Nợ nhóm 5 (Nợ có khả năng mất vốn) bao gồm: Các khoản nợ quá hạn trên 360 ngày; các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn từ 90 ngày trở lên theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ 2 quá hạn theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần thứ hai; các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ 3 trở lên, kể cả chưa bị quá hạn hoặc đã quá hạn; các khoản nợ khoanh, nợ chờ xử lý; các khoản nợ khác được phân loại vào nhóm 5.

Cũng theo quy định của NHNN, các TCTD có đủ khả năng và điều kiện thì thực hiện phân loại nợ theo phương pháp

định tính như sau:

Nhóm 1 - Nợ đủ tiêu chuẩn bao gồm các khoản nợ được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi đúng hạn.

Nhóm 2 - Nợ cần chú ý bao gồm các khoản nợ được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi nhưng có dấu hiệu khách hàng suy giảm khả năng trả nợ.

Nhóm 3 - Nợ dưới tiêu chuẩn bao gồm các khoản nợ đánh giá là không có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi khi đến hạn. Các khoản nợ này được đánh giá là có khả năng tổn thất một phần nợ gốc và lãi.

Nhóm 4 - Nợ nghi ngờ bao gồm các khoản nợ đánh giá là khả năng tổn thất cao.

Nhóm 5 - Nợ có khả năng mất vốn bao gồm các khoản nợ đánh giá là không còn khả năng thu hồi mất vốn.

Trên cơ sở kết quả phân loại nợ nêu trên, Ngân hàng Nhà nước quy định tỷ lệ trích lập dự phòng cụ thể đối với từng nhóm nợ như sau: Nhóm 1 là 0%; Nhóm 2 là 5%; Nhóm 3 là 20%; Nhóm 4 là 50% và Nhóm 5 là 100%. Riêng đối với các khoản nợ khoanh chờ Chính phủ xử lý, tổ chức tín dụng trích lập dự phòng cụ thể theo khả năng tài chính của tổ chức tín dụng.

Theo quy định tại Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/4/2005 của Ngân hàng Nhà nước: "Nợ xấu là những



khoản nợ được phân loại vào nhóm 3 (nợ dưới tiêu chuẩn), nhóm 4 (nợ nghi ngờ) và nhóm 5 (nợ có khả năng mất vốn).”

Như vậy, với kết quả phân loại nợ theo cả 02 phương pháp trên, các khoản nợ được phân loại vào các nhóm nợ 3, 4 và 5 (bao gồm nợ dưới tiêu chuẩn, nợ nghi ngờ và nợ có khả năng mất vốn) được coi là nợ xấu. Trên cơ sở kết quả phân loại nợ, TCTD chủ động thực hiện hạch toán, trích lập dự phòng để xử lý rủi ro theo quy định.

### Những chỉ tiêu cơ bản phản ánh nợ xấu của NHTM

Có nhiều chỉ tiêu phản ánh nợ xấu của NHTM, song theo tác giả bài viết thì có một số chỉ tiêu có bản sau đây:

- Tổng số nợ xấu: Đây là chỉ tiêu phản ánh chung giá trị tuyệt đối của toàn bộ các khoản nợ xấu của ngân hàng. Chỉ tiêu này chưa cho biết trong tổng số nợ đó, nợ không có khả năng thu hồi là bao nhiêu và nợ có khả năng thu hồi là bao nhiêu. Và như vậy nó chưa phản ánh một cách chính xác số nợ cho vay không có khả năng thu hồi của ngân hàng và mức độ rủi ro của ngân hàng. Ví dụ: hai ngân hàng cùng có tổng số nợ xấu nhưng ngân hàng có số nợ xấu không có khả năng thu hồi cao hơn hoặc tiềm lực tài chính thấp hơn sẽ có nguy cơ rủi ro cao hơn.

- Tỷ lệ giữa giá trị các khoản nợ xấu/tổng dư nợ cho vay: Chỉ tiêu này phản ánh

mức độ rủi ro tín dụng của ngân hàng. Cho biết với 100 đơn vị tiền tệ khi ngân hàng cho vay thì có bao nhiêu đơn vị tiền tệ mà ngân hàng xác định khó có khả năng thu hồi hoặc không thu hồi được đúng hạn tại thời điểm xác định. Tỷ lệ này càng cao thì khả năng rủi ro càng cao. Nếu như tỷ lệ này lớn hơn 7% thì ngân hàng bị coi là có chất lượng tín dụng yếu kém, còn nếu nhỏ hơn 5% thì được đánh giá là có chất lượng tín dụng tốt, các khoản cho vay an toàn. Tuy nhiên các con số được sử dụng để tính chỉ số này chỉ có tính thời điểm.

- Tỷ lệ nợ khó đòi/tổng dư nợ và nợ khó đòi/nợ xấu: Các chỉ số này phản ánh chỉ tiêu tương đối của nợ khó đòi - một cấu phần quan trọng của nợ xấu. Đây là những chỉ tiêu phản ánh khá trung thực về thực tế và nguy cơ mất vốn của ngân hàng. Tỷ lệ này càng lớn thì khả năng rủi ro mất vốn của ngân hàng càng cao. Cụ thể, với hai ngân hàng có cùng số nợ xấu thì ngân hàng nào có tỷ lệ nợ khó đòi/nợ xấu cao hơn sẽ có chỉ tiêu tuyệt đối về nợ khó đòi lớn hơn và tất nhiên là nguy cơ mất vốn sẽ cao hơn.

- Tỷ lệ quỹ dự phòng rủi ro/nợ xấu: Tỷ lệ này cho biết quỹ dự phòng rủi ro có khả năng bù đắp bao nhiêu cho các khoản nợ xấu khi chúng chuyển thành các khoản nợ mất vốn. Nếu tỷ lệ này cao, có nghĩa là khả năng quỹ dự phòng rủi ro đủ bù đắp các thiệt hại có thể xảy ra trong

quá trình hoạt động kinh doanh của ngân hàng và ngược lại.

Theo hệ thống PEARLS của Hiệp hội tín dụng thế giới về đánh giá tình hình tài chính của ngân hàng thì một ngân hàng được coi là hoạt động với độ an toàn cao nếu ngân hàng đó phân bổ đủ dự phòng cho 100% nợ quá hạn trên 12 tháng và cho 35% nợ quá hạn từ 1 - 12 tháng.

Ngoài ra, tùy theo tình hình cụ thể của mỗi ngân hàng hoặc quốc gia trong từng thời kỳ mà có thể có thêm các chỉ tiêu khác để đánh giá, so sánh thực trạng nợ xấu nhằm xây dựng các biện pháp xử lý hợp lý.

Như trên đã đề cập, phân loại nợ hiện nay của Việt Nam đã tiếp cận với thông lệ quốc tế, tuy nhiên thực tiễn đòi hỏi cũng như theo xu hướng hội nhập, thì việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro trong hoạt động tín dụng của NHTM đòi hỏi phải tiếp tục được hoàn thiện bổ sung. Trước mắt các NHTM cần chú trọng hoàn thiện khả năng và điều kiện thực hiện phân loại theo phương pháp định tính được quy định tại Điều 7, Quyết định số 493/2005, ngày 22-4-2005 của Thống đốc NHNN.

Trong giới hạn bài viết, tác giả xin bàn về một số nội dung cơ bản nói trên. Khi có điều kiện và phạm vi bài viết khác tác giả xin tiếp tục trao đổi về chủ đề này và vấn đề đã nêu.